TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HS-ST
Ngày 13/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

**** Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Hoàng Văn Thành.**
- *Các hội thẩm nhân dân:* **Ông Đinh Thế Cần**
Bà Phạm Thị Hương

**** Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** **Bà Phạm Thị Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** **Bà Nguyễn Thị Hiền** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 11/2024/HSST ngày 26 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/HSST-QĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn Đ, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Con ông Phạm Văn K, sinh năm 1960 và bà Ngô Thị N, sinh năm 1962.

Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 02.

Vợ con: Chưa.

Tiền sự: Không.

Tiền án (có 01 tiền án): Bản án số 46/2022/HSST ngày 08/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xử phạt 14 tháng tù, về tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma tuý"*, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/4/2023, thi hành xong án phí tháng 8/2022.

Nhân thân:

- Bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự từ năm 2010 đến năm 2011 xuất ngũ về địa phương.

- Bản án số 35/2017/HSST ngày 19/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội: *"Tàng trữ trái*

phép chất ma tuý", chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/6/2018, thi hành xong án phí tháng 26/7/2018.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/11/2023 đến ngày 14/11/2023 chuyển tạm giam hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q, tỉnh Thái Bình. Trích xuất có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Đức H, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Con ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1968 và bà Phạm Thị T (đã chết).

Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ 02.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự từ năm 2011 đến năm 2012 xuất ngũ về địa phương.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/11/2023 đến ngày 14/11/2023 chuyển tạm giam hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q, tỉnh Thái Bình. Trích xuất có mặt tại phiên tòa.

**** Người chứng kiến***:

- Ông Trần Văn T1, sinh năm 1966 *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Tổ E, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Ông Nguyễn Bá S, sinh năm 1960 *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Tổ B, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

PHẦN NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo H và Đ là bạn bè quen biết nhau nên khoảng 12 giờ 45 phút ngày 08/11/2023, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17B5 – 359.14 từ nhà đến nhà Đ chơi. Tại đây, Đ rủ H cùng đi mua ma túy về sử dụng chung, H nói không có tiền thì Đ nói Đ có tiền nên Hiệp đồng ý. Sau đó, H điều khiển xe chở Đ lên thị trấn Q để mua ma túy. Trên đường đi, Đ đưa cho H 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, bảo H cầm lấy để mua ma túy. H cầm tiền và điều khiển xe chở Đ đến thị trấn Q và dừng lại ở một ngõ nhỏ. Đ ngồi chờ, còn H đi bộ vào sâu trong ngõ, mua của người đàn ông khoảng 40 tuổi, không quen biết, 01 gói Heroine với số tiền 200.000 đồng, Đ đưa rồi cầm gói ma túy trong lòng bàn tay trái và đi ra chỗ Đ đang đợi đến khoảng 13 giờ 15 phút đang điều khiển xe trên đường thuộc khu vực tổ C, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, tổ công tác Công an huyện Q phối

hợp với Công an thị trấn Q nghi ngờ H, Đ có liên quan đến ma túy nên yêu cầu dừng lại để kiểm tra. Tổ công tác đã mời người chứng kiến là ông Trần Văn T1 và ông Nguyễn Bá S, sau khi giải thích quyền, nghĩa vụ theo quy định thì H đã tự nguyện giao nộp trong lòng bàn tay trái 01 gói giấy trắng có mực in màu đen chứa chất bột màu trắng dạng cục là ma túy. Tổ công tác đã đưa H, Đ về Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Q lập biên bản biên bản bắt người phạm tội quả tang, quản lý, niêm phong vật chứng theo quy định.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Đức H ở thôn L, xã A và chỗ ở của Phạm Văn Đ ở thôn A, xã Q, huyện Q, không phát hiện, thu giữ gì.

Tại Bản kết luận giám định số 1670/KL-KTHS ngày 13/11/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận: *"Mẫu gửi giám định là ma túy, loại Heroin (Heroine), có tên khoa học là: Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị định 57/2022/NĐ - CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma tuý và tiền chất; có khối lượng là 0,2505 gam. Heroine STT: 9, Danh mục IA, phụ lục kèm theo Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính Phủ*".

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Đức H và Phạm Văn Đ đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng số 19/CT-VKSQP ngày 25/01/2024 đã truy tố, hành vi của các bị cáo Phạm Văn Đ và Nguyễn Đức H đủ yếu tố cấu thành tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma tuý"* và đề nghị HĐXX:

- Về áp dụng điều luật và hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm h (tái phạm) khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 08/11/2023.

- Về áp dụng điều luật và hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 08/11/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Phạm Văn Đ và Nguyễn Đức H.

- Ngoài ra, còn đề nghị HĐXX xem xét về vật chứng, án phí của vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với nhau và với đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo Nguyễn Đức H và Phạm Văn Đ nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Văn Đ và Nguyễn Đức H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như cáo trạng đã mô tả. Phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; Các biên bản quản lý đồ vật, tài liệu; Biên bản niêm phong vật chứng do cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập hồi 13 giờ 30 phút, 15 giờ 00 phút, 15 giờ 20 phút ngày 08/11/2023 tại trụ sở Công an thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định lập hồi 16 giờ 10 phút ngày 08/11/2023 tại Phòng K1 Công an tỉnh T; Phiếu xét nghiệm test nhanh chất gây nghiện đối với Phạm Văn Đ và Nguyễn Đức H của Trung tâm y tế huyện Q, tỉnh Thái Bình cùng ngày 09/11/2023; Bản kết luận giám định số 1670/KL-KTHS ngày 13/11/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh T; Biên bản ghi lời khai của những người chứng kiến: ông Trần Văn T1 và ông Nguyễn Bá S cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.1] Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Hồi 13 giờ 15 phút ngày 08/11/2023, tại khu vực tổ C, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, các bị cáo Phạm Văn Đ và Nguyễn Đức H đã có hành vi tàng trữ trái phép trên người 01 gói Heroine có khối lượng là 0,2505 gam với mục đích sử dụng chung, bị Công an huyện Q phát hiện, bắt quả tang. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Phạm Văn Đ và Nguyễn Đức H đã phạm vào tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

"Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, C, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

…".

[2.2] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ: Đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước, gây mất trật tự an ninh an toàn xã hội. Ma tuý còn là nguồn gốc phát sinh các loại bệnh tật ảnh hưởng đến giống nòi và thuần phong mỹ tục của dân tộc, kéo theo sự xuống cấp của đạo đức xã hội và là nguồn gốc của nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Các bị cáo nhận thức được việc sử dụng ma túy là nguy hiểm và vi phạm pháp luật nhưng đua đòi các bị cáo vẫn cố tình mua ma túy để sử dụng nên cần áp dụng hình phạt cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[2.3] Khi xem xét, cân nhắc hình phạt cần xem xét đến vai trò, tình tiết tăng nặng và các tình tiết giảm nhẹ:

- Về vai trò: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn bị cáo Phạm Văn Đ là người khởi xướng và bỏ tiền mua ma túy về sử dụng chung, bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền án chưa được xóa án tích, đối với bị cáo Nguyễn Đức H sau nghe bị cáo Đ nói đi mua ma túy về sử dụng chung bị cáo đồng ý và đến khu vực tổ C, thị trấn Q là người trực tiếp vào mua nên bị cáo giữ vai trò giúp sức nên cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Đ cao hơn bị cáo H.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Đức H không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Văn Đ có 01 bản án chưa được xóa án tích nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng "*tái phạm*" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo H, Đ đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội và các bị cáo đều có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ đối với các bị cáo là phù hợp.

[2.4] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc*

nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo H, Đ là lao động tự do thu nhập không ổn định, các bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy không vì mục đích vụ lợi. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Phạm Văn Đ và Nguyễn Đức H.

[2.5] Trong vụ án này:

- Về nguồn gốc ma túy: Bị cáo H khai mua của người đàn ông khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ, tại khu vực tổ C, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở để điều tra, xử lý.

- Số tiền 200.000 đồng của bị cáo Đ đưa cho bị cáo H sử dụng để mua ma túy là do bị cáo Đ lao động mà có nên không truy thu.

[3] ***Về vật chứng:*** Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17B5-359.14 là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1990, trú tại thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (là chị gái của H). Chị A không biết việc H cùng Đ sử dụng chiếc xe trên đi mua ma túy nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại chị chiếc xe trên là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với 0,2018 gam ma túy hoàn trả lại sau giám định có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Q và Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ ngày 26/01/2024 cần tịch thu, tiêu hủy.

[4] ***Về án phí và quyền kháng cáo:*** Các bị cáo Phạm Văn Đ và Nguyễn Đức H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn Đ và Nguyễn Đức H phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Áp dụng điều luật và hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm h (tái phạm) khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ: **02** *(hai)* năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 08/11/2023.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H: **01** *(một)* năm **06** *(sáu)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 08/11/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Phạm Văn Đ và Nguyễn Đức H.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy: 0,2018 gam ma túy hoàn trả lại sau giám định có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Q và Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ ngày 26/01/2024.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Các bị cáo Phạm Văn Đ và Nguyễn Đức H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 332; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Phạm Văn Đ và Nguyễn Đức H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/3/2024).

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *TAND tỉnh Thái Bình;*
- *Sở tư pháp Thái Bình;*
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *THADS huyện Quỳnh Phụ;*
- *Cơ quan điều tra, Cơ quan THAHS Công an huyện Quỳnh Phụ;*
- *Bị cáo; Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Thành